

Số: /KL-TTSLĐTBXH

Ninh Thuận, ngày tháng 12 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã Phước Thái và công tác chi trả của Bưu điện huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận

Thực hiện Quyết định số 145/QĐ-TTSLĐTBXH ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã Phước Thái và công tác chi trả của Bưu điện huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Ngày 21 tháng 10 năm 2024, Đoàn thanh tra theo Quyết định số 145/QĐ-TTSLĐTBXH đã tiến hành thanh tra tại UBND xã Phước Thái, Bưu điện huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận; *thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2023.*

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 163/BC-ĐTT ngày 03/12/2024 của Trưởng Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Phước Thái là xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tổng số hộ hành chính trên toàn xã có 3.084 hộ/13.001 khẩu, dân tộc thiểu số có 2.137 hộ/ 9.091 khẩu trong đó dân tộc Chăm: 1.984 hộ/ 8.395 khẩu chiếm tỷ lệ 63.12%, dân tộc Raglai: 153 hộ/696 khẩu chiếm tỷ lệ 5,16%, dân tộc Hoa: 03 hộ/ 09 khẩu, tỉ lệ 0.10% so với hộ dân. Số lao động trong độ tuổi chiếm 62% trên tổng dân số trong toàn xã; có 4 dân tộc cùng chung sống: Kinh, Chăm, Raglai và Hoa. Tổng số hộ nghèo đến cuối năm 2023 có 62 hộ, chiếm tỉ lệ 2,01%; hộ cận nghèo 88 hộ, chiếm tỉ lệ 2,85%.

Trên địa bàn xã có 07 thôn, trong đó có 01 thôn (Tà Dương) đặc biệt khó khăn hầu hết đồng bào người dân tộc thiểu số Raglai nghèo, sinh sống. Tổng số đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hàng tháng tại cộng đồng tại thời điểm tháng 12 năm 2023 là 409 người, chiếm tỉ lệ 3.14% trong tổng số dân, trong đó: trẻ em mồ côi: 05 đối tượng, trẻ em dưới 03 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống vùng đồng bào DTTS và miền núi ĐBKK: 17 đối tượng, người đơn thân nghèo nuôi con nhỏ: 13 đối tượng, người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống vùng đồng bào DTTS và miền núi ĐBKK: 08 đối tượng, người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng: 109 đối tượng, người khuyết tật nặng: 168 đối tượng, người khuyết tật đặc biệt nặng: 89 đối

tượng và có 88 hộ đang hưởng kinh phí hỗ trợ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ BẢO TRỢ XÃ HỘI ĐÃ ĐƯỢC ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của UBND xã Phước Thái

- Thực hiện các quy định về chính sách giảm nghèo, chính sách trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội, UBND xã Phước Thái đã ban hành các văn bản để triển khai thực hiện trên địa bàn xã.

- Đã thành lập Ban Giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 16/8/2022) và Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm (Quyết định số 943/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 và Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 12/9/2023).

- Đã củng cố Hội đồng xác định mức độ khuyết tật (Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 21/3/2022, Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 do Phó Chủ tịch phụ trách UBND xã làm Chủ tịch Hội đồng đến ngày 15/01/2024 ban hành Quyết định số 09/QĐ-UBND do Chủ tịch UBND xã làm Chủ tịch Hội đồng xác định mức độ khuyết tật theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tổ chức họp hội đồng và có biên bản họp kết luận (*áp dụng đối tượng dạng khuyết tật*).

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung chính sách trợ giúp xã hội

Đã thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách giảm nghèo, chính sách trợ giúp xã hội thông qua nhiều hình thức như loa phát thanh, lồng ghép trong các cuộc họp ở khu dân cư, sinh hoạt văn hóa cộng đồng, hội nghị giao ban...

3. Công tác tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo và phản ánh, kiến nghị

Trong thời kỳ thanh tra, UBND xã Phước Thái không nhận đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị về lĩnh vực chính sách trợ giúp xã hội.

4. Công tác khảo sát, bình xét đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo và quy trình công tác xét duyệt đối tượng bảo trợ xã hội

4.1. Công tác khảo sát, bình xét đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Trưởng Bộ LĐTBXH hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo. Thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên, UBND xã Phước Thái đã triển khai thực hiện chính sách giảm nghèo trên địa bàn đảm bảo theo quy định, như sau:

- Thành lập Ban Giảm nghèo và Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

- Ban hành kế hoạch và thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ, tổ chức lực lượng rà soát viên thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Thực hiện quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm theo Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện qua 6 bước, gồm:

+ Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát (Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với thôn và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, gồm: Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát; Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo).

+ Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình (BCĐ rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với trưởng thôn và rà soát viên thu nhập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình).

+ Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát.

+ Niêm yết, thông báo công khai (Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở UBND cấp xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc).

+ Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch UBND huyện.

+ Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo.

** Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 - 2023*

Stt	Thôn	Năm 2022				Năm 2023				Ghi chú
		Xét, đề nghị của thôn		KQ họp xét UBND xã		Xét, đề nghị của thôn		KQ họp xét UBND xã		
		Hộ nghèo /khẩu	Hộ cận nghèo /khẩu	Hộ nghèo /khẩu	Hộ cận nghèo /khẩu	Hộ nghèo /khẩu	Hộ cận nghèo /khẩu	Hộ nghèo /khẩu	Hộ cận nghèo /khẩu	
1	Hoài Trung	6	334	6	334	4	21	4	21	
2	Như Bình	5	22	5	22	3	13	3	13	
3	Như Ngọc	6	37	6	37	4	34	4	34	
4	Hoài Ni	7	26	7	26	5	21	5	21	
5	Thái Giao	10	25	10	25	5	9	5	9	
6	Tà Dương	44	185	44	185	37	150	37	150	
7	Đá Trắng	6	10	6	10	4	7	4	7	
Tổng cộng:		84	339	84	339	62	245	62	245	

4.2. Công tác xét duyệt đối tượng hưởng trợ cấp xã hội (bảo trợ xã hội) tại địa phương:

Theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ, UBND xã Phước Thái thực hiện quy trình xét đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội như sau:

- Đối tượng, người giám hộ của đối tượng hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan làm hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 gửi Chủ tịch UBND cấp xã nơi cư trú. Khi nộp hồ sơ cần xuất trình các giấy tờ để cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu các thông tin kê khai trong tờ khai:

+ Sổ hộ khẩu của đối tượng hoặc văn bản có xác nhận của công an xã, phường, thị trấn; Chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân;

+ Giấy khai sinh của trẻ em đối với trường hợp xét trợ cấp xã hội đối với trẻ em, người đơn thân nghèo đang nuôi con, người khuyết tật đang nuôi con;

+ Giấy tờ xác nhận bị nhiễm HIV của cơ quan y tế có thẩm quyền đối với trường hợp người khuyết tật đang mang thai;

+ Giấy xác nhận khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, công chức phụ trách công tác lao động - thương binh và xã hội có trách nhiệm rà soát hồ sơ, trình Chủ tịch UBND xã tổ chức việc xem xét, quyết định việc xét duyệt, thực hiện việc niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở UBND xã trong thời hạn 02 ngày làm việc, trừ những thông tin liên quan đến HIV/AIDS của đối tượng.

- Trường hợp có khiếu nại, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã tổ chức xem xét, kết luận, công khai nội dung khiếu nại.

- Căn cứ Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ không thành lập Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội. Tuy nhiên trên cơ sở Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ LĐTBXH quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện. UBND xã Phước Thái đã cũng cố Hội đồng xác định mức độ khuyết tật tại Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 21/3/2022, Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 do Phó Chủ tịch phụ trách UBND xã làm Chủ tịch Hội đồng đến ngày 15/01/2024 ban hành Quyết định số 09/QĐ-UBND do Chủ tịch UBND xã làm Chủ tịch Hội đồng xác định mức độ khuyết tật theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tổ chức họp hội đồng và có biên bản họp kết luận (*áp dụng đối tượng dạng khuyết tật*).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được xét duyệt và không có khiếu nại, Chủ tịch UBND xã có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ của đối tượng gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Ninh Phước trình Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng.

5. Công tác quản lý đối tượng bảo trợ xã hội nhận trợ cấp hàng tháng:

- Công tác quản lý đối tượng bảo trợ xã hội tại xã phân công 01 công chức phụ trách chính sách xã hội, có trách nhiệm tham mưu thực hiện nhiệm vụ được giao, hàng tháng theo dõi việc tăng, giảm điều chỉnh đối tượng quản lý theo quy định, phối hợp cùng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện rà soát đối tượng trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi điều chỉnh mức hưởng mà đã hết độ tuổi hưởng hoặc chuyển hưởng mức cao hơn theo quy định.

- Tổng số đối tượng bảo trợ xã hội nhận trợ cấp hàng tháng, UBND xã Phước Thái quản lý qua các năm 2022 - 2023 như sau:

Stt	Đối tượng BTXH	Năm 2022				Năm 2023			
		Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
1	Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng (mồ côi cả cha và mẹ từ đủ 04 tuổi trở lên)	06	02	03	05	05	0	0	05
2	Trẻ em dưới 03 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống vùng đồng bào DTTS và miền núi ĐBKK	42	0	13	29	29	06	18	17
3	Đơn thân nghèo nuôi con nhỏ	20	12	08	24	24	05	16	13
4	Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống vùng đồng bào DTTS và miền núi ĐBKK	09	0	01	08	08	02	02	08
5	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng	113	04	10	107	107	08	06	109
6	Người khuyết tật nặng	148	12	06	154	154	19	05	168
7	Người khuyết tật đặc biệt nặng	82	16	16	82	82	15	08	89
8	Hộ gia đình đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng	81	16	17	80	80	11	03	88
Tổng cộng:		501	62	74	489	489	66	58	497

Ghi chú: Số người khuyết tật đặc biệt nặng có 89 đối tượng nhưng chỉ có 88 hộ gia đình đang hưởng kinh phí chăm sóc do có 01 hộ bà Phạm Thị Ngang (thôn Thái Giao) trực tiếp chăm sóc 02 đứa con là đối tượng khuyết tật đặc biệt nặng (dạng thần kinh, tâm thần).

- Tổng hợp đối tượng đang hưởng chế độ bảo trợ xã hội hàng tháng tại các thôn (đến thời điểm thanh tra)

Stt	Thôn	Đối tượng thuộc khoản 1, Điều 5, ND 220/2021/NĐ-CP	Đối tượng thuộc khoản 2, Điều 5, ND 20/2021/NĐ-CP	Đối tượng thuộc khoản 3, Điều 5 ND 20/2021/NĐ-CP	Đối tượng thuộc khoản 4, Điều 5 ND 20/2021/NĐ-CP	Đối tượng thuộc khoản 5, Điều 5 ND 20/2021/NĐ-CP	Đối tượng thuộc khoản 6, Điều 5 ND 20/2021/NĐ-CP	Đối tượng thuộc khoản 7, Điều 5 ND 20/2021/NĐ-CP	Đối tượng thuộc khoản 8, Điều 5 ND 20/2021/NĐ-CP
-----	------	--	---	--	--	--	--	--	--

1	Hoài Trung	0	0	0	03	25	39	0	0
2	Như Bình	02	0	0	0	33	40	0	0
3	Như Ngọc	0	0	0	0	02	26	0	0
4	Hoài Ni	02	0	0	0	13	72	0	0
5	Thái Giao	0	0	0	01	13	44	0	0
6	Tà Dương	0	0	0	09	09	10	17	0
7	Đá Trắng	01	0	0	0	22	26	0	0
Tổng cộng:		05	0	0	13	117	257	17	0

- Đối tượng tăng, giảm chi tiết (có danh sách đính kèm).

6. Việc cứu trợ xã hội tại địa phương:

6.1. Tình hình cứu trợ gạo trong dịp Tết:

- Tổng số gạo cấp trong năm 2022: 28.875kg/436hộ/1.925khẩu (hộ nghèo và hộ cận nghèo)

- Tổng số gạo cấp trong năm 2023: 9.780kg/165hộ/652khẩu (hộ nghèo và hộ cận nghèo)

Stt	Thôn	Năm 2022		Năm 2023		Ghi chú
		Tổng số gạo đã cấp	Số khẩu/hộ	Tổng số gạo đã cấp	Số khẩu/hộ	
1	Hoài Trung	4.500	300/65	885	59/12	15kg/khẩu
2	Như Bình	4.200	280/55	975	65/16	
3	Như Ngọc	4.560	304/61	975	65/14	
4	Hoài Ni	3.480	232/53	780	52/15	
5	Thái Giao	2.940	196/55	465	31/18	
6	Tà Dương	7.335	489/107	5.370	358/77	
7	Đá Trắng	1.860	124/40	330	22/13	
Tổng cộng:		28.875	1.925/436	9.780	652/165	

6.2. Cứu trợ khác:

- Tổng số tiền cấp 2022: 99.400.000 đồng (200.000đồng/đối tượng).

+ Hỗ trợ tiền ăn tết cho đối tượng bảo trợ xã hội: 415 đối tượng/83.000.000 đồng.

+ Hỗ trợ tiền tết cho hộ nghèo: 82 hộ/16.400.000 đồng.

- Tổng số tiền cấp năm 2023: 90.600.000 đồng (200.000đồng/đối tượng).

+ Hỗ trợ tiền ăn tết cho đối tượng bảo trợ xã hội: 391 đối tượng/78.200.000 đồng.

+ Hỗ trợ tiền tết cho hộ nghèo: 62 hộ/12.400.000 đồng.

7. Việc cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng

Stt	Nhóm đối tượng	Năm 2022	Năm 2023
-----	----------------	----------	----------

		Tổng số đối tượng đã được cấp trước 2022	Số đối tượng đã được cấp trong năm 2022	Số đối tượng đã được cấp đến 31/12/2022	Tổng số đối tượng đã được cấp đến đầu năm 2023	Số đối tượng đã được cấp trong năm 2023	Số đối tượng đã được cấp đến 31/12/2023
1	Đối tượng hộ nghèo	262	159	421	98	0	98
2	Đối tượng hộ cận nghèo	311	240	551	118	0	118
3	Trẻ em dưới 6 tuổi	1.639	262	1.901	1.901	191	2.092
4	Bảo trợ xã hội	275	03	278	278	14	292
Tổng cộng:		2.487	664	3.151	2.395	205	2.600

8. Công tác chi trả trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng trên địa bàn xã Phước Thái

- Công tác chi trả trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng, mai táng phí, quà tết triển khai thực hiện thông qua Hợp đồng dịch vụ (Hợp đồng số 01/HĐ-LĐTXH/BĐH ngày 05/5/2022) giữa Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Ninh Phước và cơ quan Bưu điện huyện kể từ tháng 4/2022.

- Qua kiểm tra chứng từ chi trả, danh sách truy lĩnh, quyết định hưởng và quyết định điều chỉnh trợ cấp trùng khớp số tiền, thời gian hưởng của các đối tượng.

- Về thông báo lịch chi trả: Ngay từ đầu năm Bưu điện huyện sẽ gửi lịch thông báo thời gian chi trả trợ cấp xã hội đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện và UBND các xã lịch chi trả để phối hợp thông báo cho người dân đến nhận tiền kịp thời, đúng lịch chi trả, riêng xã Phước Thái lịch chi trả đối tượng bảo trợ xã hội cố định vào ngày 16 và 17 hàng tháng.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp UBND các xã đã hỗ trợ kịp thời số đối tượng cắt giảm hạn chế tối đa tình trạng thu hồi sau chi trả, tránh để số tiền chưa chi hết còn nhiều.

- Về công tác quyết toán: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Ninh Phước phối hợp với Kế toán Bưu điện huyện để quyết toán đúng ngày quy định và chuyển trả kinh phí còn thừa (nếu có). Bắt đầu tháng 9/2023 cơ quan Bưu điện chi trả trợ cấp một số đối tượng nhận trợ cấp hàng tháng bằng hình thức chuyển qua tài khoản ATM của các ngân hàng đóng trên địa bàn tỉnh.

8.1. Thực hiện chi trả năm 2022 - 2023 cho đối tượng bảo trợ xã hội:

8.1.1. Công tác nhận cấp kinh phí và chi trả cho đối tượng năm 2022:

Trong năm 2022, Bưu điện huyện Ninh Phước nhận chi tiền trợ cấp theo danh sách của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Ninh Phước hàng tháng là 5.445 số đối tượng với số tiền là 3.199.860.000 đồng. Trong đó, số đối tượng Bưu điện huyện đã chi trả trong tháng là 5.502 đối tượng với tổng số tiền là 3.230.460.000 đồng, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Số tt	Tháng /năm	Số đối tượng, kinh phí nhận cấp theo tháng		Số đối tượng, kinh phí tháng trước chuyển sang		Tổng số đối tượng, kinh phí nhận cấp trong tháng		Số đối tượng và kinh phí đã chi trả trong tháng		Số đối tượng và kinh phí chưa chi trả trong tháng	
		Số ĐT	Kinh phí	Số ĐT	Kinh phí	Số ĐT	Kinh phí	Số ĐT	Kinh phí	Số ĐT	Kinh phí
1	01/2022	501	537.120	22	11.160	523	548.280	523	548.280	0	0
2	02/2022	501	537.120	22	11.160	523	548.280	523	548.280	0	0
3	3/2022	508	272.700	21	10.980	529	283.680	523	281.520	06	2.160
4	4/2022	501	269.280	0	0	501	269.280	501	269.280	0	0
5	5/2022	486	260.100	01	1.440	487	261.540	487	261.540	0	0
6	6/2022	485	260.820	0	0	485	260.820	485	260.820	0	0
7	7/2022	481	258.300	14	8.100	495	266.400	495	266.400	0	0
8	8/2022	495	266.760	0	0	495	266.760	495	266.760	0	0
9	9/2022	495	266.580	01	360	496	266.940	495	266.580	01	360
10	10/2022	503	272.700	11	5.580	514	278.280	508	274.320	06	3.960
11	11/2022	501	271.440	03	2.160	504	273.600	502	271.800	02	1.800
12	12/2022	489	264.060	0	0	489	264.060	488	263.160	01	900
Tổng cộng:		5.445	3.199.860	73	39.780	5.518	3.239.640	5.502	3.230.460	16	9.180

8.1.2. Công tác nhận cấp kinh phí và chi trả cho đối tượng năm 2023:

Trong năm 2023, Bưu điện huyện Ninh Phước nhận chi tiền trợ cấp theo danh sách của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Ninh Phước hàng tháng là 5.919 số đối tượng với số tiền là 3.243.960.000 đồng. Trong đó, số đối tượng Bưu điện huyện đã chi trả trong tháng là 5.964 đối tượng với tổng số tiền là 3.267.880.000 đồng, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Stt	Tháng/năm	Số đối tượng, kinh phí nhận cấp theo tháng		Số đối tượng, kinh phí tháng trước chuyển sang		Tổng số đối tượng, kinh phí nhận cấp trong tháng		Số đối tượng và kinh phí đã chi trả trong tháng		Số đối tượng và kinh phí chưa chi trả trong tháng	
		Số đối tượng	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí
1	01/2023	479	257.580	10	6.120	489	263.700	487	263.140	02	560.000
2	02/2023	493	266.940	11	5.760	504	272.700	502	271.080	02	1.620
3	3/2023	488	263.880	01	720	489	264.600	489	264.600	0	0
4	4/2023	494	266.760	15	7.560	509	274.320	507	273.060	02	1.260
5	5/2023	498	269.460	09	7.200	507	276.660	506	275.220	01	1.440
6	6/2023	489	264.240	0	0	489	264.240	489	264.240	0	0

7	7/2023	500	272.520	21	9.720	521	282.240	520	281.700	01	540
8	8/2023	501	278.820	0	0	501	278.820	500	277.740	01	1.080
9	9/2023	499	272.340	0	0	499	272.340	491	267.480	08	4.860
10	10/2023	493	274.140	0	0	493	274.140	492	273.420	01	720
11	11/2023	488	271.260	0	0	488	271.260	488	271.260	0	0
12	12/2023	497	286.020	0	0	497	286.020	493	284.940	04	1.080
Tổng cộng:		5.919	3.243.960	67	37.080	5.986	3.281.040	5.964	3.267.880	22	13.160

8.2. Thực hiện công tác chi trả phân theo loại đối tượng:

Stt	Loại đối tượng	Năm 2022		Năm 2023	
		Số đối tượng	Số tiền	Số đối tượng	Số tiền
1	Trẻ em mồ côi từ đủ 04 tuổi trở lên	05	32.400.000	05	32.400.000
2	Trẻ em dưới 03 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống vùng đồng bào DTTS và miền núi ĐBKK	29	225.720.000	17	127.440.000
3	Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống vùng đồng bào DTTD và miền núi ĐBKK	08	35.280.000	08	37.080.000
4	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng	107	471.600.000	109	488.160.000
5	Khuyết tật đặc biệt nặng	82	828.180.000	89	899.280.000
6	Khuyết tật nặng	154	1.103.400.000	168	1.197.720.000
7	Nhóm người đơn thân nghèo nuôi con nhỏ	24	151.200.000	13	84.600.000
8	Hỗ trợ KPCS nuôi dưỡng NKTĐBN	80	352.080.000	88	377.280.000
Tổng cộng:		489	3.199.860.000	497	3.243.960.000

8.3. Thực hiện chi trả một lần

Stt	Loại đối tượng	Năm 2022		Năm 2023	
		Số đối tượng	Thành tiền (đồng)	Số đối tượng	Thành tiền (đồng)
1	Mai táng phí	212	1.288.620.000	346	2.453.160.000
2	Quà tết	415	83.000.000	391	78.520.000
Tổng cộng:		627	1.371.620.000	737	2.531.680.000

9. Kết quả xác minh đối tượng

Qua xác minh, 41 đối tượng khuyết tật nặng, đặc biệt nặng nhận trợ cấp xã hội hàng tháng tại xã Phước Thái đa số đảm bảo đúng đối tượng theo quy định Luật Người khuyết tật. Số tiền đối tượng nhận đủ so với quyết định và danh sách chi trả.

III. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHƯA THỰC HIỆN HOẶC THỰC HIỆN CHƯA ĐẦY ĐỦ

1. Công tác xét duyệt, quản lý đối tượng

- Một số Phiếu xác định mức độ khuyết tật đối với người từ đủ 6 tuổi trở lên Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã Phước Thái chấm thiếu nội dung xác định dạng khuyết tật.

- Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã chưa kịp thời tổ chức xác định lại mức độ khuyết tật đối với người khuyết tật khi có sự kiện làm thay đổi mức độ khuyết tật theo quy định.

- Chưa phối hợp Bưu điện huyện theo dõi thực hiện việc chi trả hàng tháng theo quy định.

2. Việc lưu giữ hồ sơ đối tượng

Hồ sơ xét duyệt trợ cấp xã hội và hồ sơ đề nghị xác định mức độ khuyết tật tại xã lưu giữ chưa gọn gàng.

3. Việc bố trí kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp tại địa phương

UBND xã chưa bố trí kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn theo khoản 1, Điều 2, Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ Tài chính; chi trả kinh phí Hội đồng xác định mức độ khuyết tật trong đó Chủ tịch Hội đồng mức thấp hơn các thành viên là chưa đảm bảo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 10, Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ LĐTBXH (chứng từ chi 09 tháng cuối năm 2023).

4. Công tác chi trả chế độ trợ giúp xã hội

- Qua kiểm tra một số giấy ủy quyền lưu giữ tại cơ quan Bưu điện huyện thiếu thông tin như: loại chế độ bảo trợ xã hội đang hưởng, nơi đang lĩnh chế độ bảo trợ xã hội, không có chữ ký xác nhận của người được ủy quyền, đối tượng người khuyết tật tâm thần, trẻ em phải có xác nhận của người giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự.

- Chưa thực hiện việc gửi danh sách đối tượng đã nhận tiền, số tiền đã chi và danh sách đối tượng chưa nhận tiền về UBND xã Phước Thái theo đúng nội dung ghi trong Hợp đồng dịch vụ.

5. Kết quả xác minh đối tượng

Tại thời điểm xác minh, có 06 trường hợp có sự thay đổi mức độ khuyết tật so với trước, 01 trường hợp chưa điều chỉnh thông tin người nhận kinh phí hỗ trợ trực tiếp chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng, cụ thể:

5.1. Trường hợp đối tượng Chamalea Trang, sinh ngày 10/10/1986, cư ngụ tại thôn Tà Dương, đang hưởng trợ cấp người khuyết tật vận động, mức độ nặng, hệ số hưởng 1,5; số tiền nhận 750.000đ/tháng. Tại thời điểm xác minh, đối tượng Trang bị liệt nửa người, tay trái bị cong vẹo, nói năng khó khăn, ăn uống sinh hoạt tại chỗ, do bị bệnh tật bẩm sinh lâu ngày không vận động nên bị teo cơ.

5.2. Trường hợp đối tượng Kator Y Ni, sinh ngày 03/3/1962, cư ngụ tại thôn Tà Dương, đang hưởng trợ cấp người cao tuổi khuyết tật vận động, mức độ nặng, hệ số hưởng 2,0; số tiền nhận 1.000.000đ/tháng. Tại thời điểm xác minh, đối tượng Y Ni nằm liệt không đi được, sức khỏe yếu, qua thông tin vợ ông cung cấp ông trở nặng gần 03 năm nay, hiện ông ăn uống rất ít, thờ yếu ớt, mọi sinh hoạt cá nhân đều do bà chăm sóc.

5.3. Trường hợp đối tượng Bà Rá Thị Xe, sinh ngày 08/7/1954, cư ngụ tại thôn Tà Dương, đang hưởng trợ cấp người cao tuổi khuyết tật vận động, mức độ nặng, hệ số hưởng 2,0; số tiền nhận 1.000.000đ/tháng. Tại thời điểm xác minh, đối tượng Xe nằm liệt không đi được, sinh hoạt cá nhân do con gái chăm sóc.

5.4. Trường hợp đối tượng Lưu Trần, sinh năm 1969, cư ngụ tại thôn Như Ngọc, đang hưởng trợ cấp người khuyết tật vận động, mức độ đặc biệt nặng, hệ số hưởng 2,0; số tiền nhận 1.000.000đ/tháng. Tại thời điểm xác minh, đối tượng Trần có thể ngồi, chống gậy đi đứng, qua thông tin của vợ ông cung cấp ông Trần bị tai biến nằm liệt nhưng nhờ điều trị, uống thuốc nên hiện nay bệnh có giảm, sinh hoạt cá nhân nhờ bà trợ giúp.

5.5. Trường hợp đối tượng Đồng Hoàng Thiên Kim, sinh ngày 20/8/2020, cư ngụ tại thôn Như Bình, đang hưởng trợ cấp trẻ em khuyết tật vận động, mức độ đặc biệt nặng, hệ số hưởng 2,5; số tiền nhận 1.250.000đ/tháng. Tại thời điểm xác minh, qua thông tin mẹ đối tượng cung cấp, khi mới sinh Kim ra 02 chân sưng to, không đi lại được. Trải qua 02 ca phẫu thuật, đối tượng Kim đến nay đã đi lại được tuy nhiên gia đình vẫn phải hỗ trợ giúp.

5.6. Trường hợp đối tượng Trần Thị Em, sinh ngày 20/7/1966, cư ngụ tại thôn Thái Giao, đang hưởng trợ cấp người khuyết tật vận động, mức độ nặng, hệ số hưởng 1,5; số tiền nhận 750.000đ/tháng. Tại thời điểm xác minh, đối tượng Em chân phải bị vẹo, có hạn chế về vận động, đi khiêng chân phải, ngoài ra mọi sinh hoạt cá nhân, nhận thức đều bình thường.

5.7. Trường hợp đối tượng Nguyễn Thị Tuyết Thúy, sinh ngày 01/5/1964, cư ngụ tại thôn Đá Trắng, đang hưởng trợ cấp người khuyết tật nhìn, mức độ đặc biệt nặng, hệ số hưởng 2,5; số tiền nhận 1.250.000đ/tháng. Tại thời điểm xác minh, người nhận kinh phí hỗ trợ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng là chồng bà đã mất nhưng UBND xã chưa đề nghị UBND huyện điều chỉnh thông tin.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG:
Không có.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận yêu cầu UBND xã Phước Thái, Bru điện huyện Ninh Phước thực hiện các kiến nghị như sau:

1. Đối với UBND xã Phước Thái

1.1. Rà soát Phiếu xác định mức độ khuyết tật đối với người từ đủ 6 tuổi trở lên Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã Phước Thái chậm đầy đủ nội dung xác định dạng khuyết tật.

1.2. Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã rà soát, tổ chức xác định lại mức độ khuyết tật đối với người khuyết tật khi có sự kiện làm thay đổi mức độ khuyết tật theo quy định.

1.3. Đề nghị UBND huyện điều chỉnh quyết định đối với người trực tiếp chăm sóc đối tượng Nguyễn Thị Tuyết Thúy.

1.4. Chỉ đạo công chức phụ trách công tác lao động - thương binh và xã hội lưu giữ hồ sơ xét duyệt trợ cấp xã hội tại xã, hồ sơ đề nghị xác định mức độ khuyết tật tại xã gọn gàng.

1.5. Bố trí kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn theo quy định khoản 1, Điều 2, Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ Tài chính; thực hiện chi trả kinh phí cho Chủ tịch Hội đồng xác định mức độ khuyết tật đảm bảo mức cao hơn các thành viên quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 10, Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ LĐTBXH.

1.6. Phối hợp Bưu điện huyện theo dõi thực hiện việc chi trả hàng tháng theo quy định.

2. Đối với Bưu điện huyện Ninh Phước

2.1. Phối hợp với UBND xã Phước Thái rà soát lại giấy ủy quyền, cập nhật thông tin như mối quan hệ với người được hưởng chế độ bảo trợ xã hội, nơi đang lĩnh chế độ bảo trợ xã hội, loại chế độ bảo trợ xã hội đang hưởng

2.2. Rà soát và bổ sung các trường hợp không có chữ ký xác nhận của người được ủy quyền. Đối với đối tượng người khuyết tật tâm thần, trẻ em phải có xác nhận của người giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự.

2.3 Thực hiện việc gửi danh sách đối tượng đã nhận tiền, số tiền đã chi và danh sách đối tượng chưa nhận tiền về UBND xã Phước Thái theo đúng nội dung ghi trong Hợp đồng dịch vụ.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra này, yêu cầu UBND xã Phước Thái, Bưu điện huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận phải thực hiện các kiến nghị và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện (*gửi kèm văn bản chứng minh*) đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận (*qua Thanh tra Sở*) - Địa chỉ: Đường 16 tháng 4, phường Mỹ Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Đồng thời yêu cầu UBND xã Phước Thái, Bưu điện huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận có trách nhiệm thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc của đơn vị, ít nhất là 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 49, Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

- Đề nghị Văn phòng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận thực hiện việc đăng tải công khai Kết luận thanh tra này trên trang thông

tin điện tử của Sở, thực hiện ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại khoản 1, Điều 49, Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ.

- Giao Trưởng Đoàn thanh tra có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kết luận thanh tra nêu trên; báo cáo Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh
 - Thanh tra Bộ LĐTBXH
 - Thanh tra tỉnh
 - Giám đốc, các Phó GD Sở
 - Văn phòng Sở;
 - UBND xã Phước Thái (để t/h);
 - Bru điện huyện Ninh Phước (để t/h);
 - Thành viên ĐTT;
 - Lưu: VT, HSTT.TX-15b.
- (b/c);

CHÁNH THANH TRA

Lê Văn Hiếu